

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 09 năm 2015

Số: 5/BC-BQLDA 245

V/v báo cáo giải trình thay đổi quy mô  
của Dự án và kế hoạch quản lý, bảo vệ  
môi trường của Dự án Khu nhà ở cán bộ,  
giảng viên ĐHQG-HCM

### **Kính gửi: Chi Cục Bảo Vệ Môi Trường**

Ngày 08/09/2015 Chi Cục Bảo Vệ Môi Trường và Ban Quản lý Dự án ĐTXD Khu nhà ở Cán Bộ, Giảng viên ĐHQG-HCM (Ban QLDA 245) có buổi họp về việc kiểm tra thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Chi Cục Bảo Vệ Môi Trường đã đề nghị Ban Quản lý Dự án ĐTXD Khu nhà ở Cán Bộ, Giảng viên ĐHQG-HCM (Ban QLDA 245) giải trình thay đổi quy mô của Dự án và kế hoạch quản lý, bảo vệ môi trường của Dự án. Ban QLDA 245 báo cáo giải trình về việc thay đổi quy mô Dự án như sau:

#### **1. TÊN DỰ ÁN**

Dự án đầu tư xây dựng “Khu nhà ở Cán bộ, Giảng viên Đại Học Quốc Gia Thành Phố Hồ Chí Minh” diện tích 65,5 ha tại phường Phú Hữu, Quận 9, TP.HCM.

#### **2. CHỦ DỰ ÁN**

- Chủ Dự án: Đại học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh
- Địa chỉ trụ sở: Khu phố 06, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP. HCM
- Đại diện chủ Dự án: Ban Quản lý Dự án ĐTXD Khu nhà ở Cán Bộ, Giảng viên ĐHQG-HCM

#### **3. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ CỦA DỰ ÁN**

Vị trí Khu đất xây dựng Dự án là khu đất thuộc tờ bản đồ số 05, 06 của phường Phú Hữu, Quận 9. Hiện trạng khu đất bằng phẳng và đã san lấp nên thuận lợi cho nhà đầu tư thực hiện công tác đầu tư xây dựng. Ranh giới khu đất được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp khu quy hoạch dân cư phía Nam đường Nguyễn Duy Trinh;
- Phía Nam giáp Rạch Bà Cua;
- Phía Đông giáp đường Gò Cát;
- Phía Tây giáp đường Vành đai phía Đông.

## 4. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ ÁN

### 4.1. Mô tả mục tiêu của Dự án

Xây dựng một khu dân cư mới hiện đại, đồng bộ về hệ thống hạ tầng kỹ thuật, với những tiêu chuẩn kinh tế - kỹ thuật phù hợp, đáp ứng được yêu cầu về qui hoạch phát triển đô thị trước mắt và lâu dài.

Xây dựng hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật toàn khu, phát triển nhiều loại công trình nhà ở có thiết kế và quy mô kiến trúc đa dạng, đáp ứng yêu cầu của cán bộ giảng viên Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Góp phần cải tạo mỹ quan đô thị và môi trường sống tại khu vực ngày càng văn minh và hiện đại.

### 4.2. Quy mô các hạng mục Dự án

Tổng diện tích khu đất quy hoạch Khu nhà ở cán bộ, giảng viên ĐHQG TP.HCM là 805.260 m<sup>2</sup> đã được phê duyệt quy hoạch 1/500 tại Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 18/9/2013 của UBND Quận 9 và phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 2019/QĐ-TNMT-CCBVMТ của Sở TNMT Tp.HCM.

Theo Quyết định số 2308/QĐ-UBND của UBND TPHCM ngày 15/05/2014 về điều chỉnh Quyết định số 3452/QĐ-UBND ngày 12/07/2005 và số 814/QĐ-UBND ngày 03/03/2009 của UBND TPHCM đã giao cho công ty TNHH Dịch vụ kỹ thuật Công nghệ Môi trường Sài Gòn 150.000 m<sup>2</sup> phát triển như một Dự án độc lập trong tổng diện tích là 805.260 m<sup>2</sup>. Diện tích đất giao cho ĐHQG-HCM còn lại 630.436,5 m<sup>2</sup> và 24.823,5 m<sup>2</sup> giao cho Công ty Cổ phần địa ốc 9 xây dựng khu tái định cư.

Do đó phạm vi và quy mô của Dự án Khu nhà ở cán bộ, giảng viên ĐHQG-HCM theo điều 1 của Quyết định 2019/QĐ-TNMT-CCBVMТ được điều chỉnh lại như sau.

✧ Phạm vi, quy mô của Dự án:

Dự án “Khu nhà ở cán bộ, giảng viên Đại học Quốc gia Tp.HCM, diện tích 65,526 ha” được triển khai tại phường Phú Hữu, quận 9.

✧ Quy mô thực hiện Dự án:

– Khu chung cư: gồm 6 khối nhà 12 tầng (gồm 1 tầng hầm, 1 tầng trệt và 12 tầng cao) với 990 căn hộ; 4 khối nhà 8,5 tầng (gồm 1 tầng hầm, 1 tầng trệt và 8,5 tầng cao) với 408 căn hộ; 4 khối nhà 7 tầng (gồm 1 tầng hầm, 1 tầng trệt và 7 tầng cao) với 336 căn hộ; 8 khối nhà 10 tầng (gồm 1 tầng hầm, 1 tầng trệt và 10 tầng cao), cung cấp 540 căn hộ.

– Khu nhà ở: 130 nhà liên kế vườn; 563 nhà biệt thự song lập và 288 căn biệt thự đơn lập

– Các hạng mục công trình công cộng: 02 trường mầm non, 01 trường tiểu học, trung tâm thương mại, hành chính, trung tâm y tế và các hạng mục công trình công cộng khác.

**Bảng 1:** Bảng cơ cấu sử dụng đất khu nhà ở Cán bộ – Giảng viên ĐHQG-HCM

TT	LOẠI ĐẤT	65 HA	
		DIỆN TÍCH	TỶ LỆ
		(m <sup>2</sup> )	(%)
<b>A</b>	<b>ĐẤT ĐƠN VỊ Ở:</b>	<b>605.343,5</b>	<b>92,38</b>
1	ĐẤT NHÓM NHÀ Ở CHUNG CƯ: (GỒM CÁC KHU CHUNG CƯ KHÔNG PHỤC VỤ TÁI ĐỊNH CƯ)	55.054,10	8,40
	- ĐẤT Ở CHUNG CƯ	22.021,64	3,36
	- ĐẤT SÂN VƯỜN, CÂY XANH NỘI BỘ	11.010,82	1,68
	- ĐẤT GIAO THÔNG, SÂN BÃI NỘI BỘ	22.021,64	3,36
2	ĐẤT NHÓM NHÀ Ở CHUNG CƯ TÁI ĐỊNH CƯ PHỤC VỤ DỰ ÁN ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (GỒM 02 KHU NHÀ Ở CHUNG CƯ CÓ KÝ HIỆU CC1 VÀ CC2)	24.823,50	3,79
3	ĐẤT Ở NHÀ LIÊN KẾ CÓ SÂN VƯỜN:	22.136,20	3,38
4	ĐẤT Ở NHÀ ĐƠN LẬP, SONG LẬP:	223.366,7	33,44
5	ĐẤT CÁC CÔNG TRÌNH DỊCH VỤ ĐÔ THỊ:	54.041,00	8,26
	- TRƯỜNG MẦM NON (02 CƠ SỞ)	11.680,00	1,78
	- TRƯỜNG TIỂU HỌC	16.270,00	2,48
	- ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	15.308,00	2,34
	- ĐẤT Y TẾ	8.138,00	1,24
	- ĐẤT TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH	2.645,00	0,40
6	ĐẤT CÔNG VIÊN CÂY XANH:	94.160,20	14,37
	- ĐẤT CÔNG VIÊN CÂY XANH. VƯỜN HOA NHÓM NHÀ Ở	18.328,80	2,80
	- ĐẤT CÔNG VIÊN CÂY XANH NGOÀI NHÓM NHÀ Ở KẾT HỢP THỂ DỤC THỂ THAO	44.319,40	6,76
	- ĐẤT CÂY XANH CẢNH QUAN VEN SÔNG. RẠCH	31.512,00	4,81
7	ĐẤT GIAO THÔNG ĐƠN VỊ Ở:	131.761,80	20,10
<b>B</b>	<b>ĐẤT NGOÀI ĐƠN VỊ Ở:</b>	<b>49.916,50</b>	<b>7,62</b>
1	ĐẤT GIAO THÔNG NGOÀI ĐƠN VỊ Ở	32.542,70	4,97
2	ĐẤT CÂY XANH CÁCH LY TUYẾN ĐIỆN	12.100,50	1,85
3	ĐẤT CÂY XANH HÀNH LANG BẢO VỆ TUYẾN CÔNG THOÁT NƯỚC	5.273,30	0,80
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>655.260,00</b>	<b>100,00</b>

Toàn khu vực quy hoạch là cụm 2 chung cư cao tầng CC1+CC2+CC3+CC4 và CC5, khu công trình công cộng với nhiều không gian mở. Mật độ xây dựng trong các nhóm nhà ở còn lại tương đối đồng đều về mật độ và tầng cao xây dựng, trải dài theo hướng Đông

Tây để đạt mục tiêu bố trí các lối ra vào chính căn nhà theo hướng Bắc Nam phù hợp với khí hậu nhiệt đới gió mùa.

Khu vực giáp rạch Bà Cua, có điều kiện thuận lợi về khí hậu, cảnh quan và tầm nhìn thoáng. Mô hình phát triển chủ yếu của khu vực này là biệt thự rộng rãi, kết hợp với kênh rạch hiện hữu để phát triển thành các công viên vui chơi giải trí. Trong từng nhóm nhà ở biệt thự, ưu tiên bố trí hướng nhà phía bờ sông, tổ chức đường dạo, bãi đậu xe, sân tập luyện TDTT và vườn hoa trong từng nhóm nhằm tăng cường các tiện nghi.

Các công trình công cộng được bố trí rải đều trong khu quy hoạch, thuận tiện đi lại, không gian mở, hệ thống cây xanh, công viên vui chơi giải trí quy mô lớn kết hợp rạch Bà Cua thích hợp với việc cắm trại, sinh hoạt và tập luyện thể dục thể thao.

**Bảng 2: Các chỉ tiêu KTKT đối với các ô phố**

Số tt	Ký hiệu ô phố	Diện tích đất ở (m <sup>2</sup> )	Số lượng nhà ở (căn)	Diện tích các lô đất xây dựng nhà ở (m <sup>2</sup> )		Chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị					
				Thấp nhất	Lớn nhất	Mật độ xây dựng tối đa (%)	Khoảng lùi (chỉ giới XD) (m)			Tầng cao xây dựng (tầng)	Chiều cao xây dựng tối đa (m)
							Trước	Sau	Hông		
<b>I Các ô phố liên kế vườn:</b>											
1	1A	2.041	10	176,5	372,5	80	3	2	0	4	15,5
2	1C	2.306,90	14	147,5	203,3	80	3	2	0	4	15,5
3	1F	4.127	25	135,6	242,4	80	3	2	0	4	15,5
4	1R	4.460	29	147	218,5	80	3	2	0	4	15,5
5	1U	4.210,70	24	142,5	245	80	3	2	0	4	15,5
6	1V	4.990,60	28	144	250,9	80	3	2	0	4	15,5
<b>Tổng cộng</b>		<b>22.136,2</b>	<b>130</b>								
<b>II Các ô phố biệt thự song lập</b>											
1	1B	4.251,60	17	219,6	273,5	60	4	2	2	3	15
2	1E	3.058	16	189	197,5	60	4	2	2	3	15
3	1G	5.200	26	189	231	60	4	2	2	3	15
4	1H	5.450	26	198	251	60	3,0-4,0	2	2	3	15
5	1I	8.560	44	189	224	60	4	2	2	3	15
6	1J	8.560	44	189	224	60	4	2	2	3	15
7	1K	8.560	44	189	224	60	4	2	2	3	15
8	1L	8.970	44	198	245,5	60	4	2	2	3	15
9	1M	7.720	40	189	213	60	4	2	2	3	15
10	1N	7.720	40	189	213	60	4	2	2	3	15
11	1O	7.720	40	189	213	60	4	2	2	3	15
12	1P	8.090	40	198	233,5	60	3,0-4,0	2	2	3	15
13	1T	6.286	30	198	257,5	60	3,0-4,0	2	2	3	15
14	2H	4.262	20	198	251,5	60	4	2	2	3	15
15	2P	6.150,20	26	223,8	240	60	4	2	2	3	15
16	2Q	6.525,90	23	221	443,4	60	4	2	2	3	15
17	2L	6.682	23	286	317,5	60	3,0-4,0	2	2	3	15
18	2Z'	5.756	20	240	462	60	4	2	2	3	15

Số tt	Ký hiệu ô phố	Diện tích đất ở (m <sup>2</sup> )	Số lượng nhà ở (căn)	Diện tích các lô đất xây dựng nhà ở (m <sup>2</sup> )		Chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị					
				Thấp nhất	Lớn nhất	Mật độ xây dựng tối đa (%)	Khoảng lùi (chi giới XD) (m)			Tầng cao xây dựng (tầng)	Chiều cao xây dựng tối đa (m)
							Trước	Sau	Hông		
<b>Tổng cộng</b>		<b>119.521,7</b>	<b>563</b>								
III Các ô phố biệt thự đơn lập											
1	1Q	5.998	20	294	323,5	50	4	2	2	3	15
2	1S	4.460	15	294	310,5	50	4	2	2	3	15
3	1D	13.152	39	280	511	50	4	2	2	3	15
4	1Đ	10.552	28	372	406	50	4	2	2	3	15
5	1W	3.058	8	378	386,5	50	4	2	2	3	15
6	2M	6.376	16	397	399	50	4	2	2	3	15
7	2N	6.682	18	363	394,5	50	4	2	2	3	15
8	2O	6.682	18	363	394,5	50	4	2	2	3	15
9	2R	3.870	10	380	397,5	50	4	2	2	3	15
10	2S	3.872	10	380	398	50	4	2	2	3	15
11	2T	3.870	10	380	397,5	50	4	2	2	3	15
12	2U	7.094	19	360	559	50	4	2	2	3	15
13	2V	6.423	17	360	608	50	4	2	2	3	15
14	2W	5.890	16	363	383,5	50	4	2	2	3	15
15	2X	5.890	16	363	383,5	50	4	2	2	3	15
16	2Y	5.620	14	399	407,5	50	4	2	2	3	15
17	2Z	4.356	14	240	432	50	4	2	2	3	15
<b>Tổng cộng</b>		<b>103.845</b>	<b>288</b>								

Tổng số nền nhà của Dự án Đại học Quốc Gia là 981 nền (130 nhà liên kế vườn; 563 nhà biệt thự song lập và 288 căn biệt thự đơn lập);

**Bảng 3: Danh mục máy móc thiết bị của Dự án**

STT	Hạng mục	Hiện trạng	Số lượng
1	Máy phát điện dự phòng	Mới 100%	17
2	Thiết bị hệ thống xử lý khí thải	Mới 100%	1

#### 4.3. Các hạng mục công trình chính

Theo khung giao thông chính, toàn khu chia thành 53 khu phố với các chức năng sử dụng như sau:

**Bảng 4: Các hạng mục công trình chính**

STT	Hạng mục công trình	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Mật độ xây dựng (%)	Số khu phố	Số lượng
1	Nhóm nhà ở biệt thự đơn lập	103.845	50%	17 ô phố, 288 nền nhà	1.152 người

STT	Hạng mục công trình	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Mật độ xây dựng (%)	Số khu phố	Số lượng
1	Nhóm nhà ở biệt thự đơn lập	103.845	50%	17 ô phố, 288 nền nhà	1.152 người
2	Nhóm nhà ở biệt thự song lập	119.521,7	60%	18 ô phố, 563 nền nhà	2.252 người
3	Nhóm nhà ở liên kế vườn	22.136,2	80%	7 ô phố, 130 nền nhà	520 người
<b>4</b>	<b>Chung cư</b>				
	Chung cư CC1 Chung cư CC2	10.610 và 14.213,5	40%	6 khối nhà 12 tầng (gồm 1 tầng hầm, 1 tầng trệt và 12 tầng cao) với 990 căn hộ	3.960 người
	Chung cư CC3	17.905	40%	4 khối nhà 8,5 tầng (gồm 1 tầng hầm, 1 tầng trệt và 8,5 tầng cao) với 408 căn hộ	1.632 người
	Chung cư CC4	14.998	40%	4 khối nhà 7 tầng (gồm 1 tầng hầm, 1 tầng trệt và 7 tầng cao) với 336 căn hộ	1.344 người
	Chung cư CC5	22.151	40%	8 khối nhà 10 tầng (gồm 1 tầng hầm, 1 tầng trệt và 10 tầng cao), cung cấp 540 căn hộ	2.160 người
<b>5</b>	<b>Công trình công cộng</b>	<b>68.384</b>		<b>6 ô phố TM, BV, MG1, MG2, HC, TC1</b>	
	Thương mại (siêu thị)	15.308	40%	1 hệ thống, tầng cao 4-6	50 nhân viên
	Hành chính	2.645	40%	1 khu	20 nhân viên
	Trung tâm Y tế	8.134	40%	1 trung tâm	100 giường và 150 nhân viên
	Trường mầm non	6.055 5625	40%	2 trường	778 em
	Trường cấp 1	16.270	40%	1 trường	1084 em

#### 4.4. Các công trình phụ trợ :

##### 4.4.1. Hệ thống giao thông

Ngoài các tuyến giao thông đối ngoại liên hệ khu vực là:

- Đường Gò Cát, lộ giới 30m.
- Đường phía Nam khu dân cư Nguyễn Duy Trinh (đường vành đai Bắc Dự án) lộ giới 30m.
- Đường Vành đai phía Đông, lộ giới 67m.

#### ❖ **Giao thông tuyến chính**

Các tuyến chính sẽ đi theo hai hướng chủ đạo là:

- Tuyến Bắc – Nam từ đường quy hoạch 30m phía Nam đường Nguyễn Duy Trinh đi xuyên tâm Dự án có lộ giới 20m,
- Tuyến Đông – Tây dưới đường dây điện cao thế, có lộ giới 30 - 32m có giải phân cách ở giữa hai chiều xe chạy, nối từ đường Gò Cát (lộ giới quy hoạch 30m) ra đường xa lộ vành đai phía Đông trong theo quy hoạch của Thành phố.

#### ❖ **Các tuyến đường nội bộ**

Do bố trí các cụm dân cư nhà vườn ở toàn khu nên cơ cấu giao thông theo hướng giảm các giao lộ ngã tư và do tính chất Dự án là nhà biệt thự vườn, biệt thự song lập và nhà liên kế vườn là chính, mật độ dân cư thưa (100 – 120 người /ha), mẫu nhà ở rộng, thoáng (bề ngang lô đất tối thiểu là 6m), bắt buộc không cho xây dựng phần đất phía trước mà để làm sân vườn, khoảng lùi xây dựng tối thiểu 2,5m. Tùy theo tính năng sử dụng đất mà đường đi qua, các tuyến giữa các khu nhà có lộ giới 12m, lòng đường rộng 6m, hè phố mỗi bên rộng 3m, các tuyến đường cụt trong nhóm ở có lộ giới 10 m.

#### **4.4.2. Hệ thống thông tin liên lạc**

❖ Nguồn tín hiệu: đầu nối vào tuyến cáp thông tin chính trên đường Nguyễn Duy Trinh

#### **4.4.3. Hệ thống cấp điện**

Nguồn điện: Sẽ xây dựng mới 16 trạm biến áp phân phối 15(22)/0,4 KV, 27 máy với tổng công suất 27.860 KVA, sử dụng máy biến áp loại đặt trong phòng và có công suất đơn vị  $\geq 400$ KVA.

#### **4.4.4. Hệ thống cấp nước**

##### ❖ **Nguồn nước**

Sử dụng nước từ nhà máy nước Thủ Đức thông qua ống cấp nước D400 hiện có trên đường Nguyễn Duy Trinh.

##### ❖ **Nhu cầu cấp nước**

- Hệ số dùng nước không điều hoà  $K = 1,2;$

**Bảng 5: Nhu cầu cấp nước của Dự án**

STT	Mục đích dùng nước	Tiêu chuẩn	Quy mô	Lưu lượng (m <sup>3</sup> /ngày)
1	Cấp nước sinh hoạt		13.020 người	2.997
	Nhóm nhà ở biệt thự đơn lập	300l/người/ngày	1.152 người	346
	Nhóm nhà ở biệt thự song lập	300l/người/ngày	2.252 người	676
	Nhóm nhà ở liên kế vườn	300l/người/ngày	520 người	156
	Chung cư	200l/người/ngày	9.096 người	1.819
2	Cấp nước khách vãng lai	35l/người/ngày	3.906 người	137
3	Dịch vụ công cộng	20 l/người/ngày	13.020 người	260
4	Thương mại	20 l/người/ngày	50 nhân viên	1
5	Nước cấp trung tâm y tế			105
6	Trường học	100 l/người/ngày	1.862 em	186
7	Cấp nước tưới cây	3 l/m <sup>2</sup> /ngày	111.534 m <sup>2</sup>	335
8	Cấp nước rửa đường	0,5 l/m <sup>2</sup> /ngày	164.304,5 m <sup>2</sup>	82
	Nhu cầu dùng nước có ích			4.103
	Tồn thất			821
	<b>Tổng</b>			4.924
	Cấp chữa cháy			324

Lưu lượng nước cấp cần dùng là  $Q = 4.924 \text{ m}^3/\text{ngày}$ .  $Q_{\max} = K \times Q = 5.909 \text{ m}^3/\text{ngày}$

#### 4.4.5. Hệ thống thoát nước mưa

Sử dụng hệ thống cống tròn bê tông cốt thép đặt ngầm để tổ chức thoát nước mưa triệt để, tránh ngập úng cục bộ. Hướng thoát nước về phía Nam ra Rạch Bà Cua. Xây dựng cống thoát nước mưa dọc theo tuyến đường trong khu quy hoạch để thu gom toàn bộ nước mưa và sau đó thoát ra rạch Bà Cua. Cống thoát nước được bố trí chủ yếu dưới vỉa hè đi bộ và có tim cống cánh lè 0,5-1,0m.

#### 4.4.6. Hệ thống thoát nước thải

Toàn bộ nước thải từ Dự án được thu gom vào tuyến cống thoát nước thải riêng của khu đi trên các trục đường chính để về trạm xử lý nước thải tập trung đặt gần rạch Bà Cua (CX8). Trạm xử lý nước thải tập trung sử dụng công nghệ xử lý sinh học AQUADES với công suất xử lý  $4.800 \text{ m}^3/\text{ngày}$ , diện tích đất xây dựng  $2.400 \text{ m}^2$ , bán kính cách ly khu dân cư  $R = 30 \text{ m}$ , nước thải được xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B ( $K=1$ ) trước khi đổ ra rạch Bà Cua.

#### 4.4.7. Hệ thống phòng cháy chữa cháy

##### ✧ Hệ thống cấp nước chữa cháy



- Dựa vào hệ thống cấp nước chính của khu quy hoạch bố trí 02 họng lấy nước chữa cháy đặt tại ngã tư và ngã 3 đường. Ngoài ra khi có sự cố cháy cần bổ sung thêm nguồn nước mặt của các rạch gần nhất để chữa cháy, và hệ thống xe chữa cháy của thành phố và các quận huyện gần nhất để hỗ trợ.

- Riêng khu chung cư, để bảo đảm cho công tác an toàn PCCC, trong khuôn viên khu chung cư bố trí 01 họng nước chữa cháy P 80mm, giúp thuận tiện cho việc lấy nước chữa cháy khi xảy ra sự cố.

#### 4.4.8. Hệ thống kè bảo vệ và hồ cảnh quan

- Kè bảo vệ dọc sông Bà Cua và các kênh rạch tại ranh Dự án: Bê tông cốt thép trên nền cọc đóng, chiều dài L = 1000m

- Kè bảo vệ tại các vị trí hồ cảnh quan: bằng đá hộc vữa xây hoặc lát tấm bê tông, chiều dài L = 900m.

#### 4.4.9. Hệ thống cây xanh

Tổ chức 6 khu cây xanh gồm một công viên tập trung CX2 có diện tích 8.150 m<sup>2</sup> là nơi vui chơi cho trẻ em, công viên vui chơi giải trí CX8 có diện tích 44.319m<sup>2</sup> phục vụ cắm trại, dạo mát, tập luyện TDTT; Bốn vườn hoa khu ở CX7, CX1, CX3 và CX4 tạo mảng xanh kết hợp làm nơi trò chuyện, tập thể dục buổi sáng.


Trên đây là báo cáo những thay đổi về quy mô của Dự án hiện tại so với quy mô của Dự án theo Quyết định số 2019/QĐ-TNMT-CCBVM ngày 11/12/2013 của Sở Tài Nguyên và Môi Trường về việc phê duyệt đánh giá tác động môi trường Dự án “Khu nhà ở cán bộ, giảng viên ĐHQG-HCM, diện tích 80,526ha”. Những thay đổi của Dự án đều theo hướng là điều chỉnh giảm về quy mô, giảm về số lượng nền nhà, giảm về số lượng dân số.... Tuy vậy Dự án vẫn áp dụng các chương trình giám sát môi trường được nêu trong chương 5, các phương pháp kiểm soát các chất ô nhiễm theo đúng phương án đã đề xuất trong chương 4, và các kế hoạch quản lý, bảo vệ môi trường đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

Trân trọng./.

#### Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN *Thư*



The stamp is circular with the text: "ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM", "CÁN BỘ, GIẢNG VIÊN", "KHU NHÀ Ở", "ĐẦU TƯ XÂY DỰNG", "QUẢN LÝ DỰ ÁN", "BAN", "HỒ CHÍ MINH". A handwritten signature is written over the stamp.

Lê Văn Nam